

Quận 6, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số: 462/BC-THĐNC

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – NĂM HỌC 2023-2024

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	0
DỰ TOÁN GIAO (2)	5.536.002.210	1.423.841.754
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	0	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3)	0	0
DỰ TOÁN CHI	5.536.002.210	1.393.185.168
1. Tiền lương	2.258.473.484	0
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	144.098.630	0
3. Phụ cấp lương	1.285.315.149	81.129.906
4. Các khoản đóng góp	717.141.920	0
5. Tiền thưởng	12.963.000	0
6. Phụ cấp làm thêm giờ		201.391.748
7. Phúc lợi tập thể	0	0
8. Chi thu nhập tăng thêm	0	0
9. Thanh toán dịch vụ công	192.052.588	0
10. Vật tư văn phòng	35.874.200	0
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	42.909.000	0
12. Công tác phí	17.900.000	0



13. Chi thuê mướn	146.194.918	70.871.000
14. Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng cơ sở	119.118.800	417.403.914
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	26.530.000	40.169.000
16. Chi phí khác	537.430.521	581.099.600
17. Trợ cấp thôi việc	0	0
19. Hỗ trợ chi phí học tập	0	1.120.000
20. Trợ cấp Tết nguyên đán	0	0
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	30.656.586
CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0
KINH PHÍ HỦY	0	30.656.586

b. Nguồn dịch vụ

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	6	1.680.000 đồng	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	6	2.100.000 đồng	
Truy học kỳ 1 năm học 2023-2024	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm 2023-2024 và dự kiến năm học 2024-2025

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1.	Học phí	Miễn học phí		
2.	Bảo hiểm y tế	Đồng	680.400/năm	
3	Học phẩm	Đồng	K1: 43.000/năm K2: 28.000/năm	
4	Bảo hiểm tai nạn	Đồng	30.000/năm	
5	Khám sức khỏe học sinh	Đồng	20.000/năm	
6	Nước uống Ion life	Đồng	20.000/năm	
7	Sổ liên lạc điện tử	Đồng	20.000/tháng	
8	Học phí buổi 2 (Khối 5)	Đồng	115.000/năm	
9	Tiền ăn trưa	Đồng	35.000/ngày	
10	Vệ sinh phí và quản lý	Đồng	264.000/tháng	

	bán trú			
11	Tổ chức học Tiếng anh với người nước ngoài	Đồng	160.000/tháng	
12	Tổ chức học Kỹ năng sống	Đồng	80.000/tháng	
13	Tổ chức học Tiếng anh Toán- khoa	Đồng	500.000/tháng	
14	Tổ chức học Tin học IC3	Đồng	150.000/tháng	
15	Tổ chức học Tin học tự chọn	Đồng	34.000/tháng	
16	Thiết bị vật dụng bán trú	Đồng	150.000/tháng	
II Năm học 2024-2025				
1.	Học phí	Miễn học phí		
2.	Bảo hiểm y tế	Đồng	884.520/năm	
3	Học phẩm	Đồng	K1: 49.000/năm K2: 33.000/năm	
4	Bảo hiểm tai nạn	Đồng	30.000/năm	
5	Khám sức khoẻ học sinh	Đồng	23.000/năm	
6	Nước uống Ion life	Đồng	20.000/năm	
7	Sổ liên lạc điện tử	Đồng	20.000/tháng	
8	Tổ chức Giáo dục Stem	Đồng	40.000/tháng	
9	Tiền ăn trưa	Đồng	38.000/ngày	
10	Vệ sinh phí và quản lý bán trú	Đồng	303.000/tháng	
11	Tổ chức học Tiếng anh với người nước ngoài	Đồng	160.000/tháng	
12	Tổ chức học Kỹ năng sống	Đồng	40.000/tháng	
13	Tổ chức học Tiếng anh Toán- khoa	Đồng	500.000/tháng	
14	Tổ chức học Tin học IC3	Đồng	150.000/tháng	
15	Tổ chức học Tin học tự chọn	Đồng	38.000/tháng	
16	Thiết bị vật dụng bán trú	Đồng	150.000/tháng	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	5.737.504	
2	Số dư tiền gửi kho bạc		0	
3	Số dư tiền gửi tại nhân hàng Agribank		907.751.295	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	55	

II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	7.985.237.628	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng người phụ thuộc tính giảm trừ	Người	39	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	9.310.400.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng	0	
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng	413.783.066	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	827.472.233	

6. Công khai dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

Số TT	Nội dung	Dự toán thu 2024 (ĐVT: Triệu đồng)	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 (ĐVT: Triệu đồng)	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 (ĐVT: Triệu đồng)	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		5
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6391,242	3.189,506003	3.975,673	80,23%
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3787,313	1.193,822895	1.081,636	110,37%

Nơi nhận:

- Thông báo (niêm yết);
- Website của trường;
- Lưu VT.



Tổng Thị Quốc Thanh